

Số: 225 /QĐ-TMNHS

Nhà Bè, ngày 01 tháng 8 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON HOA SEN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân Sách Nhà Nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2535/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Ủy Ban Nhân dân huyện Nhà Bè về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2022 cho các đơn vị trực thuộc Huyện;

Căn cứ Thông báo số 56/TB-TCKH ngày 19 tháng 07 năm 2023 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nhà Bè về xét duyệt quyết toán ngân sách năm 2022;

Xét đề nghị của Bộ phận Kế toán Trường Mầm Non Hoa Sen.

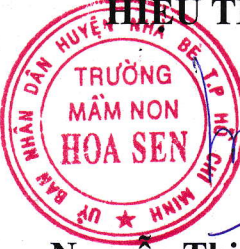
QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách năm 2022 của Trường Mầm Non Hoa Sen (kèm bảng quyết toán thu chi ngân sách năm 2022) .

Điều 2. Ban giám hiệu, bộ phận kế toán và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trường Mầm non Hoa Sen, các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Phòng tài chính Huyện;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG


Nguyễn Thị Hồng Dung

(Biểu số 4 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT/BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Trường Mầm Non Hoa Sen
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 225/QĐ-TMNHS của Trường Mầm Non Hoa Sen ngày 01/08/2023
về việc công khai quyết toán thu chi ngân sách năm 2022)

ĐV tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu báo cáo quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có)
1	2	3	4	5	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.690.770.560	3.690.770.560	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.690.770.560	3.690.770.560	0	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.640.770.560	3.640.770.560	0	
6000	Lương	720.355.400	720.355.400	0	
	6001 Lương theo ngạch bậc	720.355.400	720.355.400		
6050	Tiền công chi trả hợp đồng	156.327.600	156.327.600	0	
	6051 Tiền công chi trả hợp đồng (HĐ68+161)	156.327.600	156.327.600		
6100	Phụ cấp lương	642.909.380	642.909.380	0	
	6101 Phụ cấp chức vụ	17.880.000	17.880.000		
	6105 Phụ cấp thêm giờ	115.904.277	115.904.277		
	6112 Phụ cấp ưu đãi GV	251.936.650	251.936.650		
	6115 Phụ cấp thâm niên nhà giáo	72.629.603	72.629.603		
	6149 Phụ cấp 25%	184.558.850	184.558.850		
6150	Học bổng học sinh, sinh viên	1.800.000	1.800.000		
	6157 Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập	1.800.000	1.800.000		
6300	Các khoản đóng góp	252.146.919	252.146.919	0	
	6301 Bảo hiểm xã hội 17%	183.045.969	183.045.969		
	6302 Bảo hiểm y tế 3%	32.302.230	32.302.230		
	6303 Kinh phí công đoàn 2%	21.534.824	21.534.824		
	6304 Bảo hiểm thất nghiệp 1%	9.880.190	9.880.190		
	6349 Bảo hiểm tai nạn 0,5%	5.383.706	5.383.706		
6400	Các khoản thanh toán cá nhân	1.043.784.557	1.043.784.557	0	
	6449 Chi khác	1.043.784.557	1.043.784.557		
6500	Thanh toán dịch vụ công cộng	110.271.821	110.271.821	0	
	6501 Thanh toán tiền điện	54.590.188	54.590.188		
	6502 Thanh toán tiền nước	44.683.257	44.683.257		
	6504 Thanh toán tiền vệ sinh môi trường	10.998.376	10.998.376		

6550	Vật tư văn phòng	26.365.000	26.365.000	0	
	6551 Văn phòng phẩm	26.365.000	26.365.000		
6600	Thông tin liên lạc	9.680.000	9.680.000	0	
	6605 Cước phí internet	9.680.000	9.680.000		
6700	Công tác phí	9.600.000	9.600.000	0	
	6704 Khoán công tác phí	9.600.000	9.600.000		
6750	Chi phí thuê mướn	133.164.200	133.164.200	0	
	6757 Thuê lao động trong nước	133.164.200	133.164.200		
7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	105.267.377	105.267.377	0	
	7049 Chi phí khác	105.267.377	105.267.377		
7750	Chi khác	64.446.200	64.446.200	0	
	7756 Phí chuyển lương qua thẻ ATM	1.036.200	1.036.200		
	7766 Cấp bù học phí cho cơ sở GDĐT	63.410.000	63.410.000		
7950	Chi lập các quỹ	364.652.106	364.652.106	0	
	7951 Quỹ ổn định thu nhập 60%	218.791.263	218.791.263		
	7952 Quỹ phúc lợi 15%	72.930.421	72.930.421		
	7953 Quỹ khen thưởng 5%	36.465.211	36.465.211		
	7954 Quỹ phát triển sự nghiệp 10%	36.465.211	36.465.211		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	50.000.000	50.000.000	0	
6550	Vật tư văn phòng	10.514.000	10.514.000	0	
	6599 Vật tư văn phòng khác	10.514.000	10.514.000		
6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ	39.486.000	39.486.000	0	
	6949 Các tài sản và công trình khác	39.486.000	39.486.000		

Kế toán



Nguyễn Thanh Tuyền

Nhà Bè, ngày 01 tháng 08 năm 2023



Hiệu trưởng



Nguyễn Thị Hồng Dung